

Số: 20/BC-MNBH

Bắc Hưng, ngày 10 tháng 6 năm 2024

BÁO CÁO
Kết quả thực hiện công tác công khai đối với cơ sở giáo dục
Năm học 2023 -2024

Căn cứ Thông tư số 36/2017/TT-BGDĐT ngày 28/12/2017 của Bộ Giáo dục và Đào tạo về Quy chế thực hiện công khai đối với cơ sở giáo dục thuộc hệ thống giáo dục quốc dân;

Thực hiện Công văn số 343/GDDT ngày 17/8/2023 của Phòng Giáo dục huyện Tiên Lãng về việc triển khai thực hiện công tác công khai trong trường học năm học 2023-2024;

Căn cứ vào kết quả thực hiện quy chế công khai, dân chủ nhà trường năm học 2023- 2024. Trường mầm non Bắc Hưng trân trọng báo cáo kết quả thực hiện công tác công khai đối với cơ sở giáo dục năm học 2023-2024, cụ thể như sau:

I. CÔNG TÁC QUẢN TRIỆT, TUYÊN TRUYỀN, TRIỂN KHAI THỰC HIỆN CÁC VĂN BẢN CHỈ ĐẠO VỀ CÔNG TÁC CÔNG KHAI CỦA ĐƠN VỊ

Nhà trường đã triển khai kịp thời các văn bản chỉ đạo của các cấp về công tác công khai trong trường học đến toàn thể cán bộ quản lý, giáo viên, nhân viên và phụ huynh học sinh cụ thể:

Thông tư số 36/2017/TT-BGDĐT ngày 28/12/2017 của Bộ Giáo dục và Đào tạo về Quy chế thực hiện công khai đối với cơ sở giáo dục thuộc hệ thống giáo dục quốc dân.

Thông tư số 61/2017/TT-BTC ngày 15/6/2017, Thông tư hướng dẫn về công khai ngân sách đối với đơn vị dự toán ngân sách, tổ chức được ngân sách nhà nước hỗ trợ; Thông tư 90/2018/TT-BTC ngày 28/9/2019 về việc sửa đổi bổ sung một số điều của Thông tư 61/2017/TT-BTC.

Nghị quyết 54/2019/NQ-HĐND ngày 09/12/2019 của Hội đồng nhân dân thành phố Hải Phòng về chính sách hỗ trợ học phí cho học sinh từ bậc học mầm non đến trung học phổ thông trên địa bàn thành phố Hải Phòng.

Nghị quyết 03/2021/NQ-HĐND ngày 12/8/2021 của Hội đồng nhân dân thành phố Hải Phòng quy định mức thu học phí năm học 2021- 2022 đối với các trường công lập trên địa bàn thành phố Hải Phòng.

Nghị định 81/2021/ NĐ-CP ngày 27/8/2021 của Chính phủ Quy định về cơ chế thu, quản lý học phí đối với cơ sở giáo dục quốc dân và chính sách miễn, giảm học phí, hỗ trợ chi phí học tập, giá dịch vụ trong lĩnh vực giáo dục đào tạo.



Nghị quyết số 02/2022/NQ-HĐND ngày 20/7/2022 của Hội đồng nhân dân thành phố Hải Phòng về việc quy định danh mục các khoản thu và mức thu, cơ chế quản lý thu chi đối với các dịch vụ hỗ trợ hoạt động giáo dục, đào tạo đối với cơ sở công lập trên địa bàn thành phố Hải Phòng; Hướng dẫn 86/HĐLS-GDDĐT-STC ngày 25 tháng 01 năm 2024 về thực hiện thu, cơ chế quản lý chi theo Nghị quyết số 08/2023/NQ-HĐND ngày 08/12/2023 về sửa đổi, bổ sung Điều 3 Nghị quyết số 02/2022/NQ-HĐND ngày 20/7/2022 của Hội đồng nhân dân thành phố;

II. KẾT QUẢ THỰC HIỆN CÔNG KHAI GIÁO DỤC

Nhà trường đã thực hiện nghiêm túc, đầy đủ, chính xác, trung thực các nội dung công khai theo quy định tại Thông tư số 36/2017/TT-BGDĐT, Thông tư số 61/2017/TT-BTC ngày 15/6/2017 của Bộ Tài chính hướng dẫn thực hiện quy chế công khai tài chính đối với các đơn vị dự toán ngân sách và các tổ chức được ngân sách nhà nước hỗ trợ. Cụ thể như sau:

1. Công khai cam kết chất lượng giáo dục và chất lượng giáo dục thực tế

1.1 Cam kết chất lượng giáo dục

Điều kiện về đối tượng tuyển sinh của nhà trường, thực hiện chương trình giáo dục, công tác phối hợp giữa nhà trường và gia đình. Điều kiện cơ sở vật chất, các hoạt động hỗ trợ công tác chăm sóc nuôi dưỡng và giáo dục trẻ ở nhà trường. Tình hình của đội ngũ cán bộ, quản lý, giáo viên, nhân viên và phương pháp quản lý của nhà trường, cam kết chỉ tiêu về kết quả chăm sóc nuôi dưỡng và giáo dục trẻ theo các lĩnh vực phát triển của từng độ tuổi, khả năng phát triển toàn diện của trẻ trong nhà trường (Biểu số 01)

1.2 Chất lượng thực tế

Công khai chất lượng giáo dục: Chất lượng nuôi dưỡng, chăm sóc và giáo dục trẻ thực tế của nhà trường; tỷ lệ huy động trẻ mầm non đến trường (Biểu mẫu số 02).

2. Công khai điều kiện đảm bảo chất lượng nhà trường

2.1. Cơ sở vật chất

Số lượng, diện tích các loại phòng học, phòng chức năng, phòng nghỉ cho học sinh tính bình quân m²/trẻ; Số thiết bị dạy học đang sử dụng; số lượng máy tính; khu nhà vệ sinh; nguồn nước sinh hoạt; nguồn điện sáng; tường rào, bảo vệ (Biểu số 04).

2.2 Đội ngũ nhà giáo, cán bộ quản lý và nhân viên

Năm học: 2023 -2024 số lượng giáo viên, cán bộ quản lý và nhân viên được đào tạo, bồi dưỡng các lớp về trình độ nghiệp vụ chuyên môn nghiệp vụ. Hình thức, nội dung, trình độ và thời gian đào tạo (Biểu số 04).

3. Công khai thu chi tài chính

a) Công khai dự toán, quyết toán thu - chi ngân sách nhà nước, kể cả phần điều chỉnh giảm hoặc bổ sung đã được Ủy ban nhân dân huyện Tiên Lãng giao năm 2022, 2023.

b) Công khai các quy có nguồn từ các khoản đóng góp của học sinh, cha mẹ học sinh và các tổ chức, cá nhân (bao gồm học phí và các khoản thu khác theo từng năm học, các khoản tài trợ,...).

- Công khai căn cứ thu, mục đích thu, đối tượng thu, mức thu, nội dung chi; dự toán - quyết toán thu, chi.

c) Công khai chính sách và kết quả thực hiện chính sách hàng năm về trợ cấp và miễn, giảm học phí đối với người học thuộc diện được hưởng chính sách xã hội.

4. Thời điểm, thời gian công khai đã thực hiện

Công khai thường xuyên và định kỳ (đầu năm học, cuối học kỳ I và cuối năm học) đảm bảo tính đầy đủ, chính xác và cập nhật khi có thông tin mới hoặc thay đổi nội dung liên quan.

5. Hình thức công khai đã thực hiện

- Công khai trong Hội nghị cán bộ, công chức của đơn vị;

- Thông báo tại các kỳ họp phụ huynh;

- Niêm yết tại bảng tin đơn vị;

- Công khai trên website của nhà trường.

III. ĐANH GIA CHUNG

1. Đánh giá chung

- Nhà trường đã thành lập Ban chỉ đạo về thực hiện công khai trong nhà trường và Ban chỉ đạo đã thực hiện nghiêm túc các nhiệm vụ về công khai của nhà trường trong năm học.

- Xây dựng kế hoạch công khai phổ biến rộng rãi đến đội ngũ, cán bộ giáo viên, nhân viên và thực hiện nghiêm yết công khai tại bảng công khai của nhà trường.

- Thực hiện việc công khai đúng quy định, đảm bảo tính chính xác và thực hiện cập nhật bộ xung kịp thời có thông tin mới hoặc thay đổi.

2. Hiệu quả, tác động thông qua việc thực hiện công tác công khai

Xây dựng và công khai kế hoạch chi tiêu về chất lượng nuôi dưỡng chăm sóc giáo dục trẻ của nhà trường ngay từ đầu năm học đối với lãnh đạo chính quyền địa phương, các ban ngành, hội đồng nhà trường, phụ huynh học sinh, thông qua hội nghị cán bộ giáo viên và họp phụ huynh.

Hàng năm nhà trường đã tiến hành rà soát các điều kiện về cơ sở vật chất, trang thiết bị để xây dựng kế hoạch cụ thể phối hợp với điều kiện thực tế của nhà trường. Trên cơ sở đó tham mưu với hội đồng giáo dục, các ban ngành, hội phụ huynh học sinh, các tổ chức, cá nhân, cá nhân, nhằm huy động nguồn lực đầu tư xây dựng, tu sửa cơ sở vật chất nhà trường.



Phát huy vai trò trách nhiệm của người đứng đầu cấp ủy, chính quyền trong việc trực tiếp chỉ đạo xây dựng và thực hiện các tác công khai.
Tăng cường sự phối hợp giữa các tổ chức đoàn thể trong việc tổ chức thực hiện, hướng dẫn, kiểm tra đơn đốc và đánh giá kết quả việc thực hiện công tác công khai trong nhà trường.
Phát huy vai trò, trách nhiệm của Ban chỉ đạo thực hiện Quy chế Dân chủ trong việc triển khai thực hiện và kiểm tra giám sát.
Trên đây báo cáo kết quả việc thực hiện công tác công khai trong trường học năm học 2023-2024.
Trường mầm non Bắc Hưng trần trọng bảo cáo./.

HIỆU TRƯỞNG



Nguyễn Thị Bình

Nơi nhận:
- Phòng GDDT;
- Lưu: VT.

Biểu mẫu 01
 (Kèm theo Thông tư số 36/2017/TT-BGDĐT ngày 28 tháng 12 năm 2017 của
 Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo)

UBND HUYỆN TIỀN LÃNG
 TRƯỜNG MẦM NON BẠC HƯNG

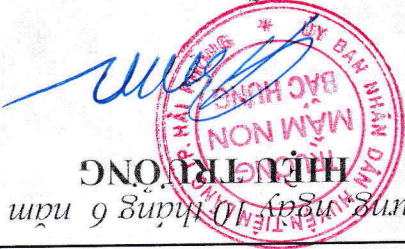
THÔNG BÁO

Cam kết chất lượng giáo dục của cơ sở giáo dục mầm non
 Năm học: 2023-2024

STT	Nội dung	Nhà trẻ	Mẫu giáo
I	Chất lượng nuôi dưỡng chăm sóc giáo dục trẻ dự kiến đạt được	Trẻ có năng lực và hành vi phù hợp độ tuổi để ứng xử trong giao tiếp hàng ngày. Giám tỉ lệ suy dinh dưỡng thể nhẹ cân 0%, suy dinh dưỡng thể thấp còi xuống còn 2%, không chênh tỷ lệ trẻ thừa cân béo phì. Trẻ có năng lực và hành vi phù hợp độ tuổi để ứng xử trong giao tiếp hàng ngày. Giám tỉ lệ suy dinh dưỡng thể nhẹ cân xuống dưới 3,3% suy dinh dưỡng thể thấp còi xuống còn 3%, không chênh tỷ lệ trẻ thừa cân béo phì.	
II	Chương trình giáo dục mầm non của nhà trường thực hiện	Thực hiện Chương trình chăm sóc giáo dục trẻ mầm non do Bộ Giáo dục và Đào tạo ban hành 51/TT-BGDĐT-GDMN ngày 31/12/2020 sửa đổi, bổ sung Thông tư 28/2009/TT-BGD&ĐT ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Bộ Giáo dục và Đào tạo sửa đổi, bổ sung một số nội dung của CTGD MN ban hành kèm theo TT17/2009/TT-BGDĐT	
III	Kết quả đạt được trên trẻ theo các lĩnh vực phát triển	Trẻ đạt yêu cầu về các lĩnh vực phát triển như: Lĩnh vực thể chất, lĩnh vực phát triển ngôn ngữ, lĩnh vực phát triển nhận thức, lĩnh vực phát triển thẩm mỹ và lĩnh vực phát triển tình cảm kỹ năng xã hội theo Chương trình giáo dục mầm non	
IV	Các hoạt động hỗ trợ chăm sóc giáo dục trẻ ở cơ sở giáo dục mầm non	Trẻ được hỗ trợ tất cả các hoạt động chăm sóc, giáo dục trong ngày từ lúc đón trẻ,thể dục sáng, hoạt động học, hoạt động ngoài trời, hoạt động góc, ăn trưa, ngủ trưa, hoạt động chiều, ăn phụ chiều và trả trẻ	

Bác Hưng ngày 10 tháng 6 năm 2024

HIỆNG TRUONG



Nguyễn Thị Bình

UBND HUYỆN TIÊN LÃNG
TRƯỜNG MẦM NON BẮC HUNG

Biểu mẫu 02

THÔNG BÁO
Công khai chất lượng giáo dục mầm non thực tế
Cuối năm học 2023 - 2024

STT	Nội dung	Tổng số trẻ em	Nhà trẻ			Mẫu giáo		
			3-12 tháng tuổi	13-24 tháng tuổi	25-36 tháng tuổi	3-4 tuổi	4-5 tuổi	5-6 tuổi
I	Tổng số trẻ em	319			51	71	94	103
1	Số trẻ em nhóm ghép	30				0	30	0
2	Số trẻ em học 1 buổi/ngày	0			0	0	0	0
3	Số trẻ em học 2 buổi/ngày	319			51	71	94	103
4	Số trẻ em khuyết tật học hòa nhập	0			0	0	0	0
II	Số trẻ em được tổ chức ăn bán trú	319			51	71	94	103
III	Số trẻ em được kiểm tra định kỳ sức khỏe	319			51	71	94	103
IV	Số trẻ em được theo dõi sức khỏe bằng biểu đồ tăng trưởng	319			51	71	94	103
V	Kết quả phát triển sức khỏe của trẻ em	319			51	71	94	103
1	Số trẻ cân nặng bình thường	302			51	68	89	94
2	Số trẻ suy dinh dưỡng thể nhẹ cân	8				2	3	3
3	Số trẻ có chiều cao bình thường	310			50	69	90	101
4	Số trẻ suy dinh dưỡng thể thấp còi	17			1	2	4	2
5	Số trẻ thừa cân béo phì	9			0	1	2	6
VI	Số trẻ em học các chương trình chăm sóc giáo dục	319			51	71	94	103
1	Chương trình giáo dục nhà trẻ	51			51			
2	Chương trình giáo dục mẫu giáo	268				71	94	103

Bắc Hưng, ngày 10 tháng 06 năm 2024



Nguyễn Thị Bình

UBND HUYỆN TIÊN LÃNG
TRƯỜNG MẦM NON BẮC HÙNG

Biểu mẫu 03

THÔNG BÁO

**Công khai thông tin cơ sở vật chất của cơ sở giáo dục mầm non
Cuối năm học 2023 - 2024**

STT	Nội dung	Số lượng	Bình quân
I	Tổng số phòng		Số m ² /trẻ em
II	Loại phòng học	10	-
1	Phòng học kiên cố	10	-
2	Phòng học bán kiên cố	0	-
3	Phòng học tạm	0	-
4	Phòng học nhờ	0	-
III	Số điểm trường	1	-
IV	Tổng diện tích đất toàn trường (m²)	5270	16.8m²/trẻ
V	Tổng diện tích sân chơi (m²)	3019	9.6m²/trẻ
VI	Tổng diện tích một số loại phòng		
1	Diện tích phòng sinh hoạt chung (m ²)	560	1,78m ² /trẻ
2	Diện tích phòng ngủ (m ²)		
3	Diện tích phòng vệ sinh (m ²)	80	0,25 m ² /trẻ
4	Diện tích hiên chơi (m ²)	280	0,9 m ² /trẻ
5	Diện tích phòng giáo dục thể chất (m ²)	0	
6	Diện tích phòng giáo dục nghệ thuật hoặc phòng đa chức năng (m ²)	0	
7	Diện tích nhà bếp và kho (m ²)	60	0,19 m ² /trẻ
VII	Tổng số thiết bị, đồ dùng, đồ chơi tối thiểu (Đơn vị tính: bộ)	10	Số bộ/nhóm (lớp)
1	Số bộ thiết bị, đồ dùng, đồ chơi tối thiểu hiện có theo quy định	6	6/10
2	Số bộ thiết bị, đồ dùng, đồ chơi tối thiểu còn thiếu so với quy định	4	4/10
VIII	Tổng số đồ chơi ngoài trời	7	Số bộ/sân chơi (trường)
IX	Tổng số thiết bị điện tử-tin học đang được sử dụng phục vụ học tập (máy vi tính, máy chiếu, máy ảnh kỹ thuật số v.v...) máy chiếu: 1, máy tính: 8, máy ảnh: 1, máy in: 6.	16	

X	Tổng số thiết bị phục vụ giáo dục khác (Liệt kê các thiết bị ngoài danh mục tối thiểu theo quy định)			Số thiết bị/nhóm (lớp)		
1	Loa di động		01			
2	Bộ loa máy		01			
3	Bàn ghế đúng quy cách		154			
4	Bộ đồ chơi tự làm		10			
5	Máy phô tô					
6	Ti vi		02			
		Số lượng(m ²)				
XI	Nhà vệ sinh	Dùng cho giáo viên	Dùng cho học sinh		Số m ² /trẻ em	
			Chung	Nam/Nữ	Chung	Nam/Nữ
1	Đạt chuẩn vệ sinh*	01	10		0,25 m ² /trẻ	
2	Chưa đạt chuẩn vệ sinh*	01				

(*Theo Quyết định số 14/2008/QĐ-BGDĐT ngày 07/4/2008 của Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo ban hành Điều lệ Trường mầm non và Thông tư số 27/2011/TT-BYT ngày 24/6/2011 của Bộ Y tế ban hành quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về nhà tiêu- điều kiện bảo đảm hợp vệ sinh)

		Có	Không
XII	Nguồn nước sinh hoạt hợp vệ sinh	x	
XIII	Nguồn điện (lưới, phát điện riêng)	x	
XIV	Kết nối internet	x	
XV	Trang thông tin điện tử (website) của cơ sở giáo dục	x	
XVI	Tường rào xây	x	
..		

Bắc Hưng, ngày 10 tháng 06 năm 2024



Nguyễn Thị Bình)

THÔNG BÁO

**Công khai thông tin về đội ngũ nhà giáo, cán bộ quản lý và nhân viên
Cuối năm học 2023 - 2024**

STT	Nội dung	Tổng số	Trình độ đào tạo					Hạng chức danh nghề nghiệp			Chuẩn nghề nghiệp				
			TS	ThS	ĐH	CD	TC	Dưới TC	Hạng IV	Hạng III	Hạng II	Xuất sắc	Khá	Trung bình	Kém
	Tổng số giáo viên, cán bộ quản lý và nhân viên	28			21	4	1	2	4	1	16				
I	Giáo viên	18			18				4	1	13				
1	Nhà trẻ	4			4				1		3				
2	Mẫu giáo	14			14				3	1	10				
II	Cán bộ quản lý	3			3						3				
1	Hiệu trưởng	1			1						1				
2	Phó hiệu trưởng	2			2						2				
III	Nhân viên	7				4	1	2							
1	Nhân viên văn thư														
2	Nhân viên kế toán	1				1									
3	Thủ quỹ														
4	Nhân viên nấu ăn	6				4		2							
5	Nhân viên khác														

Bắc Hưng, ngày 10 tháng 06 năm 2024



HIỆU TRƯỞNG

Nguyễn Thị Bình